TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày: 23 - 10 -2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp họ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đậu Thị Phú

2. Ông Nguyễn Xuân Đào

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch* *tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Quang Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-TCDS ngày 10/8/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp họ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-TCDS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Út C, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt)

2. Bị đơn:

Ông Lê Quốc N, sinh năm 1970; Nơi ĐKHKTT: thôn D1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt)

Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1961; Nơi ĐKHKTT: thôn D2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Mai Thị Út C trình bày: Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên giữa chị Mai Thị Út C và ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M có thỏa thuận chơi họ có tính lãi, việc chơi họ đã kéo dài nhiều năm và đến kỳ mở họ thì ông N hoặc bà M mang tiền gốc và lãi đến cho chị. Hàng ngày cứ vào khoảng từ 8 giờ đến 10 giờ sáng ông N hoặc bà M đi thu tại chợ theo hình thức thu ngày và thu tháng. Chị Út C đã nộp cho ông N và bà M tổng cộng 03 ống họ. Cụ thể:

- Ống thứ nhất: từ ngày 21/9/2015 (âm lịch) đến 20/3/2016 (âm lịch) là 06 tháng, mỗi ngày nộp 50.000 đồng. Tổng số tiền ống thứ nhất mà chị Út C đã nộp cho ông N bà M là: 9.000.000 đồng

- Ống thứ hai: từ ngày 11/01/2016 (âm lịch) đến 20/3/2016 (âm lịch) là 02 tháng 10 ngày, mỗi ngày nộp 100.000 đồng. Tổng số tiền ống thứ hai mà chị Út C đã nộp cho ông N bà M là: 7.000.000 đồng

- Ống thứ ba: từ ngày 11/02/2016 (âm lịch) đến 20/3/2016 (âm lịch) là 01 tháng 10 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng. Tổng số tiền ống thứ ba mà chị Út C đã nộp cho ông N bà M là: 4.000.000 đồng

Tổng số tiền cả 03 ống họ mà chị Út C đã nộp cho ông N và bà M là 20.000.000 đồng. Quá trình chơi hụi ông N, bà M đã trả cho chị Út C 1.700.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 20/3/2016, ông N, bà M tuyên bố vỡ họ nên không trả lại số tiền còn lại cho chị Út C.

Nay chị Út C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M phải thanh toán cho chị một lần với tổng số tiền họ còn nợ là 18.300.000 đồng, chị C không yêu cầu ông bà phải trả lãi.

- Tại bản tự khai ngày 11/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Hồng M và ông Lê Quốc N thống nhất trình bày: Ông N và bà M thừa nhận là do có mối quan hệ quen biết từ trước nên giữa ông bà và chị Mai Thị Út C có thỏa thuận chơi họ có tính lãi. Chị Út C đã đóng tổng cộng 03 ống họ với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, ông N và bà M đã trả cho chị Út C.1700.000 đồng tiền lãi. Ông N và bà M thừa nhận còn nợ tiền họ của chị Út C là 18.300.000 đồng.

Do ông N và bà M đang gặp hoàn cảnh khó khăn, bị vỡ họ nên không có khả năng thanh toán một lần số tiền 18.300.000 đồng mà có nguyện vọng xin chị Út C cho ông bà được trả dần.

Ông N và bà M thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Ngày 20/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q kết quả thể hiện: Tại hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Q không thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án, áp dụng Điều 479, Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, buộc ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ họ 18.300.000 đồng cho chị Út C. Ông N và bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Trần Thị Hồng M có nơi cư trú tại thôn D2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và ông Lê Quốc N có nơi cư trú tại thôn D1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị Út C yêu cầu ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M trả cho chị Út C số tiền nợ họ là 18.300.000 đồng do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng góp họ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Xét yêu cầu của chị Út C về việc buộc ông N và bà M phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ họ là 18.300.000 đồng: Giữa ông N, bà M và chị Út C đã phát sinh giao dịch dân sự góp họ, ông N bà M là chủ họ, chị Út C là thành viên tham gia. Việc thỏa thuận hợp đồng góp họ giữa hai bên tuy không có xác lập bằng văn bản nhưng có giấy biên nhận giao họ và tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án ông N và bà M đều xác nhận hiện nay còn nợ chị Út C số tiền họ là 18.300.000 đồng. Do các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng dân sự góp họ, cụ thể là họ có lãi nên theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường. Ông N và bà M là chủ họ đã vi phạm nghĩa vụ và theo quy định tại Điều 15, 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ thì ông N và bà M là chủ họ phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Út C số tiền họ còn nợ là 18.300.000 đồng. Do chị Út C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng theo biên bản xác minh ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch tại Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện ông N và bà M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông N và bà M phải chịu nghĩa vụ liên đới đối với khoản nợ tiền họ 18.300.000 đồng của chị Út C theo quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo đó, ông N và bà M mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Út C số tiền nợ họ là 9.150.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải liên đới chịu toàn bộ án phí vụ án. Ông N và bà M mỗi người phải nộp 457.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Xét ông N và bà M có đơn xin giảm án phí, đơn trình bày có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và gặp sự kiện bất khả kháng có xác nhận của UBND xã Q nên áp dụng Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giảm 50% mức án phí mà ông N và bà M phải chịu. Như vậy, ông N và bà M mỗi người phải chịu 228.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 479, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 1 Điều 13, Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Út C.

Buộc ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Mai Thị Út C số tiền nợ họ là 18.300.000 đồng, theo phần mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Út C số tiền nợ họ là 9.150.000 *đồng (chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày chị Mai Thị Út C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời

gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M mỗi người phải chịu 228.000 đồng *(hai trăm hai mươi tám ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Trả lại cho chị Mai Thị Út C số tiền tạm ứng án phí 457.500 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0001121 ngày 08/8/2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/10/2018).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**